

Số: 39/QĐ-UBND

Hòa An, ngày 12 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách trẻ em dưới 6 tuổi các xã, thị trấn
được cấp thẻ bảo hiểm y tế quý IV năm 2021**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn lập danh sách đối tượng tham gia Bảo hiểm y tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý;

Theo đề nghị của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện tại Tờ trình số 01 /TTr-LĐTBXH ngày 7 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách trẻ em dưới 6 tuổi được cấp thẻ Bảo hiểm y tế quý IV năm 2021 theo từng tháng (*có biểu tổng hợp kèm theo*).

Điều 2. Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm đảm bảo kinh phí đóng Bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi tại Điều I của Quyết định này và chuyển kinh phí vào Quỹ Bảo hiểm y tế theo quy định.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Trung tâm Y tế, Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở LĐTBXH Cao Bằng;
- Chủ tịch, PCT UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, LĐTBXH (H).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đàm Thế Trang

TỔNG HỢP

Bổ sung tăng giảm danh sách trẻ em dưới 6 tuổi từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2021
(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của UBND huyện Hòa An)

STT	Xã, thị trấn	Số TE được phê duyệt mua BHYT Quý III/2021	Tháng 10/2021			Tháng 11/2021			Tháng 12/2021		
			Số TE tăng	Số TE giảm	Số được mua sau điều chỉnh	Số TE tăng	Số TE giảm	Số được mua sau điều chỉnh	Số TE tăng	Số TE giảm	Số được mua sau điều chỉnh
1	Xã Hồng Việt	356	3	23	336	2	8	330	0	4	326
2	Xã Đức Long	469	5	5	469	5	6	468	2	5	465
3	Xã Nguyễn Huệ	369	4	5	368	4	3	369	1	9	361
4	Xã Bình Dương	111	4	1	114	1	1	114	2	0	116
5	Xã Nam Tuấn	483	6	12	477	11	12	476	4	8	472
6	Xã Đại Tiến	250	0	3	247	4	6	245	5	4	426
7	Xã Ngũ Lão	261	6	7	260	2	2	260	1	3	258
8	Xã Bạch Đằng	195	5	8	192	8	6	194	5	2	197
9	Xã Dân Chủ	531	6	8	529	0	8	521	10	7	524
10	Xã Trương Lương	328	6	6	328	4	5	327	5	3	329
11	Xã Quang Trung	284	2	7	279	12	7	284	6	3	287
12	Xã Hồng Nam	140	2	7	135	0	4	131	1	2	130
13	Xã Lê Chung	142	1	0	143	3	5	141	1	0	142
14	Xã Hoàng Tung	338	3	4	337	4	10	331	9	11	329
15	TT Nước Hai	1.214	8	20	1.202	13	27	1.188	19	30	1.177
	Cộng	5.471	61	116	5.416	73	110	5.379	71	91	5.359